

HƯỚNG DẪN

**triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là Nghị quyết số 11).

Các đối tượng quy định tại Điều này gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là CBCCVC).

Điều 2. Điều kiện được cử đi đào tạo

1. Đào tạo sau đại học

a) Điều kiện chung

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có lý lịch chính trị rõ ràng; có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Được sự đồng ý bằng văn bản của cấp có thẩm quyền trước khi đi dự tuyển.

- Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nằm trong danh mục các ngành, nhóm ngành quy định tại Điều 3 Hướng dẫn này.

- Có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu theo quy định của cơ sở đào tạo (đối với trường hợp đi học ở nước ngoài).

- Đáp ứng đủ các điều kiện khác của từng chương trình học bổng, hợp tác (nếu có).

b) Điều kiện cụ thể

CBCCVC quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 11 được cử đi đào tạo sau đại học, đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định số

101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cụ thể:

- Đối với cán bộ, công chức:
 - + Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - + Không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu.
 - + Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.
- Đối với viên chức:
 - + Đã kết thúc thời gian tập sự (nếu có).
 - + Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

2. Đào tạo lý luận chính trị

- Thực hiện theo khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 11.
- Đảm bảo các điều kiện tại Quy định số 57-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị; Quy định số 767-QĐ/TU ngày 01/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy định đối tượng, tiêu chuẩn, phân cấp và quy trình cử cán bộ đi đào tạo lý luận chính trị.

Điều 3. Ngành, nhóm ngành đào tạo sau đại học

- Ngành, nhóm ngành đào tạo sau đại học được quy định cụ thể tại phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.
- Ngoài các ngành, nhóm ngành nêu tại phụ lục, tùy theo yêu cầu thực tế, hằng năm UBND tỉnh sẽ điều chỉnh, bổ sung phù hợp (nếu có).

Điều 4. Trường đào tạo sau đại học

1. Đào tạo trong nước
 - Các cơ sở giáo dục sau đại học nước ngoài đặt tại Việt Nam.
 - Các Học viện trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
 - Các Trường Đại học trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Các cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục còn giá trị tính đến thời điểm cử đi học).

2. Đào tạo nước ngoài

Danh sách 300 cơ sở đào tạo hàng đầu thế giới được căn cứ vào bảng xếp hạng hằng năm của một trong ba tổ chức: The Times Higher Education World University Rankings; QS World University Rankings (Quacquarelli Symonds); The Academic Ranking of World Universities (Shanghai Jiao Tong University).

Hình thức: đào tạo tập trung toàn phần tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

Chương II CHÍNH SÁCH

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đào tạo

1. Hỗ trợ đào tạo chuyên môn

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 11.

2. Hỗ trợ đào tạo lý luận chính trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 11.

Điều 6. Thời điểm, phương thức hỗ trợ

1. Đào tạo sau đại học trong nước

a) Đối với đối tượng đi học sau ngày Nghị quyết số 11 có hiệu lực thi hành

- Học phí: hỗ trợ theo học kỳ, khi có phiếu thu của cơ sở đào tạo (không bao gồm học phí học lại, thi lại do học viên không đảm bảo chất lượng học tập theo quy định của cơ sở đào tạo).

- Sinh hoạt phí: hỗ trợ 50% khi có quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền, 50% sau khi nhận được văn bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo cấp.

- Tiền hỗ trợ bảo vệ luận văn, luận án tốt nghiệp: hỗ trợ một lần khi nhận được bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo cấp.

b) Đối với đối tượng hiện đang theo học tại các cơ sở đào tạo trước ngày Nghị quyết số 11 có hiệu lực thi hành

- Học phí: hỗ trợ toàn bộ học phí các học kỳ đã học trước đó (có phiếu thu của cơ sở đào tạo, quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền, không bao gồm học phí học lại, thi lại do học viên không đảm bảo chất lượng học tập theo quy định của cơ sở đào tạo); các học kỳ còn lại thực hiện như đối tượng đi học sau ngày Nghị quyết số 11 có hiệu lực thi hành.

- Sinh hoạt phí: hỗ trợ 50% khi có quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền; 50% sau khi nhận được văn bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo cấp; trường hợp đã nhận được văn bằng tốt nghiệp được hỗ trợ một lần.

- Tiền hỗ trợ bảo vệ luận văn, luận án tốt nghiệp: hỗ trợ một lần khi nhận được bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo cấp.

2. Đào tạo sau đại học ở nước ngoài

Kinh phí đi học được hỗ trợ theo từng học kỳ cho CBCCVC được cử đi học, việc hỗ trợ kinh phí thực hiện theo phương thức:

- Học phí chuyên trực tiếp cho cơ sở đào tạo (mức hỗ trợ theo thông báo của cơ sở đào tạo).

- Sinh hoạt phí được chuyển cho CBCCVC được cử đi học (mức hỗ trợ theo phụ lục kèm theo Nghị quyết số 11): học kỳ đầu tiên được hỗ trợ kinh phí sau khi hoàn thành các hồ sơ, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 9 Hướng dẫn này. Các học kỳ tiếp theo được tiếp tục hỗ trợ nếu kết quả học tập, sinh hoạt của học kỳ kế trước đạt yêu cầu. Trường hợp kết quả học tập, sinh hoạt của học kỳ kế trước không đạt yêu cầu của cơ sở đào tạo thì không được hỗ trợ kinh phí cho học kỳ tiếp theo.

- Tổng thời gian được hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí không vượt quá tổng thời gian học tập tại quyết định cử đi học hoặc theo thời gian quy định của cơ sở đào tạo. CBCCVC được cử đi học nếu lưu ban, không hoàn thành chương trình học tập của kỳ học, năm học theo yêu cầu của cơ sở đào tạo nước ngoài mà phải học lại thì thời gian lưu ban, thời gian học lại sẽ không được hưởng hỗ trợ.

- Tổng thời gian CBCCVC đi học được phép gia hạn không quá 36 tháng đối với chương trình đào tạo tiến sĩ; không quá 24 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Kéo dài thời gian học tập trong trường hợp chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh nhưng CBCCVC vẫn đảm bảo kết quả học tập, được cơ sở đào tạo nước ngoài xác nhận thì vẫn được hỗ trợ sinh hoạt phí tối đa không quá 12 tháng. Căn cứ đề nghị của CBCCVC, cơ quan sử dụng cử đi học chịu trách nhiệm phối hợp với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài kiểm tra, xem xét cụ thể đối với từng trường hợp và hỗ trợ đúng chế độ quy định. Trong trường hợp chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh kéo dài việc tiếp tục hỗ trợ kinh phí do UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Đào tạo Lý luận chính trị

a) Đối với hệ tập trung:

- Học phí: hỗ trợ một lần từ ngân sách tỉnh cấp theo từng lớp.

- Sinh hoạt phí: hỗ trợ hàng tháng theo từng thời điểm chi trả lương và các khoản phụ cấp (nếu thời gian học dưới 15 ngày được tính 1/2 tháng, từ 15 ngày được tính tròn 01 tháng) không bao gồm thời gian học lại, thi lại.

b) Đối với hệ không tập trung:

- Học phí: hỗ trợ sau khi có quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền và phiếu thu của cơ sở đào tạo (đối với các trường hợp đi học theo từng lớp do Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề nghị mở lớp hỗ trợ giống như học tập trung).

- Sinh hoạt phí:

- + Hỗ trợ 50% khi có quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền, 50% sau khi nhận được văn bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo cấp.

+ Đối với các đối tượng hiện đang theo học tại các cơ sở đào tạo trước ngày Nghị quyết số 11 có hiệu lực thi hành được tính thời gian còn lại kể từ khi Nghị quyết số 11 có hiệu lực thi hành cho đến khi kết thúc khóa học (nếu thời gian học còn lại dưới 15 ngày được tính 1/2 tháng, từ 15 ngày được tính tròn 01 tháng), cách tính như sau:

$$S = \frac{F \times T}{M}$$

Trong đó:

S: Sinh hoạt phí còn lại được hỗ trợ.

F: Tổng mức hỗ trợ sinh hoạt phí/khóa theo quy định.

T: Số tháng đi học còn lại.

M: Tổng thời gian đào tạo theo quyết định cử đi học.

Ví dụ: Trường hợp ông A hiện đang học Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung; theo Quyết định cử đi học của ông A là 12 tháng, kể từ ngày 15/3/2023 và được hưởng 4.200.000đ/khóa theo quy định. Tính đến thời điểm Nghị quyết số 11 có hiệu lực thi hành (01/8/2023), ông A đã học được 4 tháng 15 ngày, số tháng đi học không tập trung còn lại của ông A là 7 tháng 15 ngày. Như vậy, số tiền sinh hoạt phí còn lại được hưởng của ông A như sau:

$$S = \frac{4.200.000đ \times 8}{12} = 2.800.000đ$$

Điều 7. Cấp phát, thanh, quyết toán kinh phí đi học

1. Cấp phát kinh phí

- Cơ quan sử dụng CBCCVC lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) cấp phát kinh phí đi học cho CBCCVC của đơn vị. Tiến hành cấp phát kinh phí theo quy định tại Điều 6 Hướng dẫn này.

Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp kinh phí gồm:

+ Quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền.

+ Phiếu thu học phí của cơ sở đào tạo (đối với trường hợp đi học trong nước).

+ Thông báo nộp tiền của cơ sở đào tạo (đối với trường hợp đi học ở nước ngoài).

+ Bảng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo cấp, bảng điểm kết quả học tập (đối với trường hợp cấp phát kinh phí hỗ trợ luận văn, luận án tốt nghiệp đào tạo sau đại học trong nước).

+ Các loại giấy tờ khác có liên quan.

- Căn cứ để cấp phát học phí đào tạo trong nước là phiếu thu học phí của cơ sở đào tạo nhưng không vượt quá mức trần học phí của đơn vị giáo dục công lập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

2. Thanh, quyết toán kinh phí

- Kinh phí toàn bộ khoá học của CBCCVC do cơ quan sử dụng CBCCVC thanh, quyết toán sau khi người được cử đi học tốt nghiệp khoá đào tạo về nhận công tác tại cơ quan, đơn vị.

Hồ sơ, thủ tục thanh toán kinh phí đào tạo gồm:

- + Quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền.
- + Bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo cấp, bảng điểm kết quả học tập.
- + Giấy công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với đối tượng đi học ở nước ngoài).
- + Các chứng từ hợp lệ hoặc giấy tờ chứng minh về các khoản tiền phải chi phí theo quy định.
- + Quyết định tiếp nhận và phân công công tác của cơ quan có thẩm quyền quản lý CBCCVC hoặc của đơn vị sử dụng CBCCVC theo phân cấp quản lý CBCCVC hiện hành.
- + Các loại giấy tờ khác có liên quan.
- Hồ sơ đề nghị thanh, quyết toán gửi UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) thẩm định quyết toán theo quy định.

Chương III

QUY TRÌNH, HỒ SƠ, THẨM QUYỀN CỬ ĐI ĐÀO TẠO, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO

Điều 8. Quy trình dự tuyển, tuyển chọn

1. Đào tạo sau đại học trong nước

- Cơ quan sử dụng CBCCVC rà soát nhu cầu, cử CBCCVC đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 2 tham gia thi tuyển các ngành nghề quy định tại Điều 3, vào các cơ sở đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 4 Hướng dẫn này.

- Sau khi có thông báo nhập học của cơ sở đào tạo; cơ quan, đơn vị sử dụng CBCCVC gửi hồ sơ cử đi học theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Hướng dẫn này về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ đối với các cơ quan hành chính nhà nước), Thường trực Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội) để thẩm định trước khi ban hành quyết định cử đi học.

- Sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ (các cơ quan hành chính nhà nước), Ban Tổ chức Tỉnh ủy (các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội) cơ quan, đơn vị ban hành quyết định cử CBCCVC đi học và ký kết Hợp đồng đào tạo theo quy định.

2. Đào tạo sau đại học ở nước ngoài

a) Hội đồng Đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh là tổ chức tư vấn cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong việc tuyển chọn người đi học sau đại học ở nước ngoài.

b) Hình thức tuyển chọn: việc tuyển chọn người đi học sau đại học ở nước ngoài có thể thực hiện bằng hình thức xét tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển.

Tuỳ từng trường hợp và điều kiện cụ thể, Hội đồng Đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh quyết định hình thức tuyển chọn phù hợp.

c) Quy trình dự tuyển, tuyển chọn

- CBCCVC đảm bảo các điều kiện quy định của cơ sở đào tạo và điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 2 Hướng dẫn này, nộp hồ sơ cho cơ quan sử dụng CBCCVC.

- Cơ quan sử dụng CBCCVC căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn, nhu cầu cụ thể gửi hồ sơ và văn bản đề nghị của đơn vị về Hội đồng Đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh; CBCCVC các cơ quan hành chính nhà nước gửi về Sở Nội vụ, CBCCVC các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc (đối tượng đi học theo các chương trình hợp tác tính từ ngày hết hạn nộp hồ sơ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền; đối tượng đi học theo các chương trình khác tính từ ngày Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ nhận hồ sơ), Hội đồng Đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh tổ chức họp xét hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển thống nhất danh sách ứng viên đủ điều kiện trúng tuyển hoặc đạt yêu cầu sơ tuyển.

- Sở Nội vụ (cơ quan thường trực của Hội đồng Đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh) thống nhất kết quả tuyển chọn với các bên liên quan (nếu có) trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả.

3. Đào tạo lý luận chính trị

Thực hiện theo Quy định số 767-QĐ/TU ngày 01/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, phân cấp và quy trình cử cán bộ đi đào tạo lý luận chính trị.

Điều 9. Hồ sơ, thẩm quyền cử CBCCVC đi đào tạo sau đại học

1. Hồ sơ

Ngoài các hồ sơ theo quy định của cơ sở đào tạo, sau khi có thông báo nhập học, cơ quan sử dụng CBCCVC lập hồ sơ, thủ tục gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định (hoặc cho ý kiến) cử CBCCVC đi học, hồ sơ gồm có:

- Đơn đăng ký tham gia chương trình đào tạo.

- Bản sao căn cước công dân.

- Quyết định tuyển dụng vào công chức, viên chức; quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử (đối với cán bộ).

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc phê duyệt chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Sơ yếu lý lịch đối với cán bộ, công chức theo mẫu 2C-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Sơ yếu lý lịch đối với viên chức theo mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ Nội vụ có xác nhận của cơ quan, đơn vị.

- Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học, bằng điểm kết quả học tập.

- Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của cơ sở đào tạo (đối với đối tượng đi học ở nước ngoài).

- Văn bản của cơ quan, đơn vị thống nhất cho tham gia dự tuyển.

- Giấy báo (Quyết định) nhập học của cơ sở đào tạo.

- Bản cam kết phục vụ công tác sau khi kết thúc khóa đào tạo.

- Văn bản của cơ quan, đơn vị đề nghị quyết định (hoặc cho ý kiến) cử CBCCVC đi học.

- Các loại giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

2. Thẩm định hồ sơ, Quyết định cử đi đào tạo, ký kết hợp đồng đào tạo

a) Thẩm định hồ sơ

- Sở Nội vụ

+ Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định cử đi học đối với CBCCVC công tác trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền phân cấp quản lý theo quy định; đối với CBCCVC cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài thực hiện sau khi có kết quả tuyển chọn của Hội đồng đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh.

+ Thẩm định hồ sơ, cho ý kiến thống nhất bằng văn bản gửi cơ quan, đơn vị, địa phương trước khi ban hành quyết định cử đi học đối với CBCCVC công tác trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định cử đi học của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy

+ Thẩm định trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cử đi học đối với CBCCVC công tác trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

+ Thẩm định trình Hội đồng đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh (qua Sở Nội vụ) đối với CBCCVC công tác trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh đi học ở nước ngoài theo quy định.

+ Thẩm định cho ý kiến thống nhất bằng văn bản gửi cơ quan, đơn vị, địa phương trước khi ban hành quyết định cử đi học đối với CBCCVC công tác trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội thuộc thẩm quyền quyết định cử đi học của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Thẩm quyền quyết định cử đi học

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh.

c) Ký kết hợp đồng đào tạo

- Sở Nội vụ: tiến hành ký kết hợp đồng đào tạo giữa Giám đốc Sở Nội vụ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng CBCCVC và người tham gia học tập đối với đối tượng đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài; ký kết hợp đồng đào tạo giữa Giám đốc Sở Nội vụ với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị được cử đi đào tạo sau đại học trong nước đối với CBCCVC công tác trong các cơ quan hành chính nhà nước sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định cử đi học.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy: tiến hành ký kết hợp đồng đào tạo giữa Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng CBCCVC và người tham gia học tập đối với đối tượng đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài; ký kết hợp đồng đào tạo giữa Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị được cử đi đào tạo sau đại học trong nước đối với CBCCVC công tác trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định cử đi học.

- Cơ quan, đơn vị, địa phương ký kết Hợp đồng đào tạo giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng CBCCVC và người tham gia học tập đối với đối tượng đi học trong nước sau khi ban hành quyết định cử đi học.

Chương IV

QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 10. Quyền lợi và trách nhiệm

1. Quyền lợi

a) Đối với CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước

- Được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định.
- Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục.
- Được hưởng các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật.
- Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng.

b) CBCCVC được cử đi đào tạo ở nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị.

- Đối với học viên đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài, học xong thời gian học dự bị (nếu có) thì được cấp sinh hoạt phí không quá 04 tháng trong thời gian chờ nhập học chính thức.

- Người được cử đi học ở nước ngoài nếu được các cơ sở đào tạo, tổ chức, cá nhân tài trợ 100% học bổng (bao gồm học phí và sinh hoạt phí) thì không hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 11.

- Trường hợp người cử đi đào tạo ở nước ngoài được các cơ sở đào tạo, tổ chức, cá nhân tài trợ một phần học bổng thì ngân sách tỉnh hỗ trợ phần còn lại theo quy định của Nghị quyết số 11.

c) Sau khi hoàn thành chương trình học tập sau đại học, người học được xem xét để đi học ở các bậc cao hơn bằng kinh phí tự túc với ngành nghề phù hợp; được xem xét nguyện vọng bố trí công việc phù hợp, được cơ quan, đơn vị tạo môi trường làm việc thuận lợi để phát huy năng lực, sở trường công tác và được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của tỉnh.

d) Không phải thực hiện bồi hoàn kinh phí đã nhận nếu rút khỏi chương trình đào tạo sau đại học với lý do chính đáng và được UBND tỉnh đồng ý.

2. Trách nhiệm

Thực hiện theo Điều 38 Nghị định số 101/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 11. Đền bù chi phí đào tạo

Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 101/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đào tạo bồi dưỡng.

Điều 12. Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù; điều kiện được giảm chi phí đền bù

Thực hiện theo Điều 8, Điều 9 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

Điều 13. Thành lập Hội đồng xét đền bù

Thực hiện theo Điều 11 Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh.

Điều 14. Hoạt động của Hội đồng xét đền bù; quyết định đền bù; trả và thu hồi chi phí đền bù

Thực hiện theo Điều 10, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý, sử dụng CBCCVC theo dõi việc thực hiện hợp đồng đào tạo và thực hiện cam kết thời gian công tác đối với CBCCVC công tác trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý và kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách; theo dõi, quản lý CBCCVC công tác trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian học tập.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý, sử dụng CBCCVC theo dõi việc thực hiện hợp đồng đào tạo và thực hiện cam kết thời gian công tác đối với CBCCVC công tác trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý và kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách; theo dõi, quản lý CBCCVC công tác trong các cơ quan hành chính nhà nước trong thời gian học tập.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo việc tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập theo quy định hiện hành.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11 (nếu có).

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí theo quy định; theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc lập, quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng các quy định hiện hành.

4. Sở Ngoại vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan ngoại giao của Việt Nam xác định các cơ sở đào tạo có chất lượng cao ở nước ngoài để cử CBCCVC đi học.

- Chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ký các chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo trước khi cử CBCCVC tham gia đào tạo ở nước ngoài.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng để đưa CBCCVC đi học ở nước ngoài; giải quyết thủ tục xuất, nhập cảnh; tham gia theo dõi, quản lý quá trình học tập, sinh hoạt ở nước ngoài của CBCCVC được cử đi học.

5. Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Lập hồ sơ, thủ tục cử CBCCVC đi học theo quy định.
- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan đề nghị UBND tỉnh cấp kinh phí đào tạo cho CBCCVC của đơn vị được cử đi học; cấp phát, quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định.
- Xét chọn cử CBCCVC đi học; tham gia ký kết hợp đồng đào tạo, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, quản lý, đánh giá quá trình học tập, sinh hoạt khi đơn vị có CBCCVC được cử đi học; bố trí, phân công công tác cho CBCCVC thuộc quyền quản lý sau khi hoàn thành khoá học và thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan theo quy định.
- Báo cáo cấp có thẩm quyền những trường hợp CBCCVC được cử đi học của cơ quan, đơn vị vi phạm hợp đồng đào tạo (báo cáo Sở Nội vụ đối với các cơ quan hành chính nhà nước; báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị- xã hội). Lập Hội đồng đền bù hoặc hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập Hội đồng đền bù và chịu trách nhiệm thu hồi chi phí đào tạo khi CBCCVC vi phạm cam kết theo quy định.

Điều 16. Điều khoản thi hành

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Hướng dẫn này.
- Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới./.

Phụ lục**NGÀNH, NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Theo quy định tại Phần II, Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ngành nghề thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học, bao gồm các ngành, nhóm ngành, cụ thể:

- Nhóm ngành Giáo dục và đào tạo giáo viên, giảng viên: Giáo dục học, Lý luận và phương pháp dạy học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Quản lý giáo dục, Đo lường và đánh giá trong giáo dục và các ngành chuyên môn phục vụ giảng dạy cho đối tượng là giảng viên, giáo viên.

- Nhóm ngành Kiến trúc và xây dựng: Kiến trúc, Quy hoạch vùng đô thị, Quản lý đô thị và công trình, Đô thị học, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng.

- Nhóm ngành Kỹ thuật, máy tính và công nghệ thông tin: Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Quản lý công nghệ thông tin, Quản lý Hệ thống thông tin, Kỹ thuật viễn thông, Khoa học dữ liệu.

- Nhóm ngành Tài nguyên và môi trường: Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý biển đảo và đới bờ, Sinh thái học, Địa chất học, Khoa học môi trường, Bản đồ viễn thám và Hệ thống tin địa lý, Địa lý tài nguyên và môi trường, Khoáng vật học và địa hóa học, Khí tượng và khí hậu học.

- Nhóm ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản: Chăn nuôi, Khoa học cây trồng, Di truyền và chọn giống cây trồng, Bảo vệ thực vật, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Hệ thống nông nghiệp, Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Khai thác thủy sản, Quản lý thủy sản.

- Nhóm ngành Luật, Quản trị, Quản lý: Luật, Luật hiến pháp và Luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Pháp luật về quyền con người, Luật kinh tế, Luật quốc tế, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản lý Khoa học và Công nghệ, Quản trị văn phòng, Quản lý văn hóa.

- Nhóm ngành Khoa học chính trị: Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế.

- Nhóm ngành Kinh tế, Văn hóa, Du lịch: Kinh tế học, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Bảo tàng học, Khoa học thư viện, Văn hóa học.

- Nhóm ngành: Y học, Dược học, Điều dưỡng - hộ sinh, Dinh dưỡng, Răng - Hàm - Mặt, Kỹ thuật Y học, Y tế công cộng, Quản lý Y tế.

- Bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ chuyên khoa II: Tất cả các ngành đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ chuyên khoa cấp II của các cơ sở đào tạo.